

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUẦN GIÁO
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 35/2024/HNGĐ-ST

Ngày 16-9-2024

V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN GIÁO - TỈNH ĐIỆN BIÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Giàng A Tăng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bạc Thị Hồng và bà Lê Thị Thanh Thùy.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Thị Thúy Hằng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 82/2024/TLST- HN&GD ngày 13 tháng 5 năm 2024 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2024/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Giàng A T**, năm sinh 1994, vắng mặt.

Địa chỉ: **Bản P, xã P, huyện T, tỉnh Điện Biên.**

2. Bị đơn: Chị **Vàng Thị P**, sinh năm 1995, vắng mặt.

Địa chỉ: **Bản P, xã P, huyện T, tỉnh Điện Biên.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 26/4/2024, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh **Giàng A T** trình bày:

- Về hôn nhân: Anh **Giàng A T** và chị **Vàng Thị P** chung sống như vợ chồng từ năm 2014, đến năm 2016 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **P, huyện T, tỉnh Điện Biên** ngày 06/6/2016, anh chị kết hôn tự nguyện không ai ép buộc hoặc lừa dối. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, đời sống chung thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau. Từ năm 2023 đến nay anh chị đã sống ly thân, không còn yêu thương, quan tâm, liên lạc với nhau. Anh **T** xác nhận không còn tình cảm với chị **P**, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, anh **T** yêu cầu Tòa án giải

quyết cho chị được ly hôn với chị Vàng Thị P.

- Về con chung: Anh T, chị P có 01 người con chung là cháu Giàng Phương L, sinh ngày 03/3/2014. Khi ly hôn anh T đề nghị Tòa án giải quyết giao cháu Giàng Phương L cho anh Giàng A T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Chị Giàng A T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

* Bị đơn chị Vàng Thị P: Khi thụ lý, quá trình giải quyết vụ án chị Vàng Thị P không có ý kiến, không đến Tòa án. Tiến hành xác minh tại nơi cư trú thì chị Vàng Thị P vắng mặt ở nơi cư trú, đi về thất thường mà không rõ thời điểm trở về (BL 28, 50) nên Tòa án không thực hiện được việc cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án trực tiếp cho chị P. Tòa án đã niêm yết công khai các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền lợi cho chị P. Do chị P không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập, thông báo của Tòa án nên vụ án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa: Anh Giàng A T vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh T giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện. Chị Vàng Thị P vắng mặt không có lý do.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Nguyên đơn anh Giàng A T đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chị Vàng Thị P chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Giàng A T, xử cho anh T được ly hôn với chị Vàng Thị P.

- Về con chung: Căn cứ các Điều 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Giàng A T. Giao cháu Giàng Phương L, sinh ngày 03/03/2014 cho anh Giàng A T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con chung anh Giàng A T không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, anh Giàng A T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

- Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho anh Giàng A T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt nguyên đơn: Anh **Giàng A T** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh **T**.

[1.2] Về sự vắng mặt bị đơn: Chị **Vàng Thị P** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị **P**.

[1.3] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ đơn khởi kiện của anh **Giàng A T** về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với chị **Vàng Thị P** và các tài liệu chứng cứ kèm theo. Tòa án xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.4] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn chị **Vàng Thị P** cư trú tại **bản P, xã P, huyện T, tỉnh Điện Biên**. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên.

[2] Về áp dụng pháp luật: Anh **Giàng A T** và chị **Vàng Thị P** kết hôn năm 2016. Tòa án áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh **Giàng A T** và chị **Vàng Thị P** kết hôn năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **P, huyện T, tỉnh Điện Biên**, căn cứ vào Trích lục kết hôn (BẢN SAO) số 03 ngày 29/11/2016 của UBND xã **P** (BL 02). Anh **T** thừa nhận hai người kết hôn tự nguyện, không ai ép buộc hoặc lừa dối. Xác định quan hệ hôn nhân giữa anh **T** và chị **P** là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn: Anh **Giàng A T** trình bày do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau và anh chị đã sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay. Lời khai của anh **T** phù hợp với kết quả xác minh tại địa phương, gia đình nơi cư trú về tình trạng hôn nhân, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn (BL 46, 47, 48). Hội đồng xét xử xét thấy do đời sống chung của vợ chồng (anh **T**, chị **P**) luôn xảy ra cãi chửi nhau do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, dẫn đến tình cảm vợ chồng bị rạn nứt, anh **T** không muốn duy trì hôn nhân với chị **P**. Anh **T**, chị **P** đã sống ly thân từ năm 2023 đến nay không còn yêu thương, quan tâm, liên hệ với nhau. Thể hiện vợ chồng không còn yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng quy định tại Điều 17, 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Từ những phân tích trên thể hiện hôn nhân của anh **T**, chị **P** lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên anh **T** yêu cầu ly hôn với chị **P** là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh **Giàng A T**.

[4] Về con chung: Anh **T**, chị **P** có một người con chung là cháu **Giàng**

Phuong L, sinh ngày 03/3/2014. Khi ly hôn anh **Giàng A T** yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; anh **T** không yêu cầu chị **Giàng Thị P1** cấp dưỡng nuôi con chung. Tại biên bản lấy lời khai ngày 08 tháng 7 năm 2024 cháu **Giàng Phương L** có nguyện vọng được ở với bố (**Giàng A T**) phù hợp với yêu cầu của anh **Giàng A T**.

Hội đồng xét xử thấy, qua xác minh tại địa phương cháu **Giàng Phương L** hiện cháu **L** đang ở cùng anh **T**, do anh **T** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục từ khi vợ chồng sống ly thân từ năm 2023 đến nay. Chị **Vàng Thị P** thường xuyên vắng mặt ở địa phương và không chu cấp gì cho việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Căn cứ vào điều kiện, hoàn cảnh thực tế của hai bên, nguyện vọng của con và xem xét quyền lợi về mọi mặt cho con. Giao cho anh **Giàng A T** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu **Giàng Phương L** là phù hợp theo quy định tại Điều 58, Điều 69, Điều 71, Điều 72, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh **T**.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, anh **Giàng A T** không yêu cầu chị **Vàng Thị P** cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Anh **Giàng A T** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Án phí: Anh **Giàng A T** là đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn đề nghị miễn án phí. Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho anh **Giàng A T**.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo là phù hợp, đúng pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 58, 69, 71, 72; 81; 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, 238, 271, 273, 278, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh **Giàng A T**.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh **Giàng A T** được ly hôn chị **Vàng Thị P**.

2. Về con chung: Giao cháu **Giàng Phương L**, sinh ngày 03/3/2014 cho anh **Giàng A T** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên và có khả năng lao động. Anh **Giàng A T** chưa yêu cầu chị **Vàng Thị P** cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn anh **Giàng A T** có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình; chị **Vàng Thị P** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở chị **P**

thực hiện quyền này. Anh **Giàng A T** và chị **Vàng Thị P** có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn. Khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh **Giàng A T** được miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Anh **Giàng A T**, chị **Vàng Thị P** có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Tuần Giáo;
- Chi cục THADS huyện Tuần Giáo;
- UBND xã Phình Sáng, huyện Tuần Giáo;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Giàng A Tăng

